TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày 30/5/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường
2. Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quốc K – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B - Ngân hàng TMCP S;

Ông Trần Quốc K ủy quyền lại cho: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1992 – Chức vụ: Chuyên viên Kiểm soát rủi ro Chi nhánh B - Ngân hàng TMCP S, vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số C D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Đ, sinh năm 1985, vắng mặt

Địa chỉ: Số F T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/08/2022, bà Nguyễn Thị Hải Đ có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B (gọi tắt là S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 742/2022/CNBR và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng–các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Đ, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 31.2%/ năm (lãi suất trong hạn).

Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 84,268,800 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Đ phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Đ đã thanh toán cho S1 số tiền 61.368.408 đồng (trong đó: thanh toán gốc: 43.031.676 đồng, thanh toán lãi: 18.336.732 đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Đ vi phạm hợp đồng, ngày 10/10/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ bà Đ còn thiếu tại thời điểm này số tiền là 53.190.386 đồng sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1 và S1 đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Đ, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ nhưng bà Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho S1 vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của S1, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc bà Đ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/05/2025 là 70.256.770 đồng, cụ thể: nợ gốc là 53.190.386 đồng; nợ lãi là 17.066.384 đồng và bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 30/05/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Đ: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà Nguyễn Thị Hải Đ yêu cầu đến Tòa án để làm việc nhưng bà Đ vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thủ

tục, nguyên tắc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận nên là hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Đ đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng bà Đ vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn bà Đ theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (viết tắt là S1) đối với bà Nguyễn Thị Hải Đ:

Căn cứ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 742/2022/CNBR ngày 29/8/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và căn cứ thu nhập của bà Đ, S1 đã đồng ý cấp cho bà Đ thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 31.2%/ năm (lãi suất trong hạn). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và các khoản phí theo quy định.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Hải Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ với S1. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì ngày 10/10/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ bà Đ còn thiếu sang nợ

quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/ tháng trên số tiền nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa S1 và bà Đ: Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/8/2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 phù hợp với Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Bà Đ đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ lại cố tình lẩn tránh, không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết nợ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của S1 buộc bà Đ trả số nợ tính đến hết ngày 30/05/2025 là 70.256.770 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 53.190.386 đồng; nợ lãi là 17.066.384 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 742/2022/CNBR ngày 29/8/2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 là phù hợp pháp luật cần được chấp nhận. Yêu cầu thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho S1 là 3.512.839 đồng. S1 không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Nguyễn Thị Hải Đ.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hải Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng số tiền tính đến ngày 30/05/2025 là 70.256.770đ (Bằng chữ: Bảy mươi triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi đồng), trong đó gồm: nợ gốc là 53.190.386 đồng (Bằng chữ: Năm mươi ba triệu một trăm chín mươi ngàn, ba trăm tám mươi sáu đồng); nợ lãi là 17.066.384đ (Bằng chữ: Mười bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 31/05/2025, bà Nguyễn Thị Hải Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 742/2022/CNBR ngày 29/8/2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Đ phải nộp 3.512.839 (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm mười hai ngàn tám trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.300.000đ (Bằng chữ: Một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000147 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Yến Oanh